

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày 11-4-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Đình Hòa; Ông Triệu Phúc Vượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giang Tiên Hiệp -Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tòng Thị H, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Bản Phiêng Phát 1, xã TĐ, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

2. Bị đơn: Anh Vàng Văn H1, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Bản Phiêng Phát 1, xã TĐ, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” cùng các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Tòng Thị H trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vàng Văn H1 đăng ký kết hôn ngày 14/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị và anh H1 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị và anh H1 chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ chị tại bản Phiêng Phát 1, xã TĐ. Đến năm 2020 vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cãi, chửi

nhau. Đến tháng 4 năm 2020 chị và anh H1 sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay, mỗi người một nơi, tình cảm chị cũng không còn yêu thương anh H1 và chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

2. Về con chung: Chị và anh H1 có 01 con chung là Vàng Việt C, sinh ngày 28/9/2018. Hiện con chung đang ở cùng chị và bố mẹ của chị tại bản Phiêng Phát 1, xã TĐ. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, ngoài ra chị không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, anh Vàng Văn H1 mặc dù biết chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và được chị H giao các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa theo hướng dẫn của Tòa án. Anh H1 đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ đến Tòa để làm việc nhưng cố tình vắng mặt mà không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39 Điều 147, 177, 179, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tòng Thị H và xem xét quyết định: Chị H được ly hôn với anh H1; giao con chung cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành; không giải

quyết phần tài sản do chị H không yêu cầu; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Vàng Văn H1 có nơi cư trú tại bản Phiêng Phát 1, xã TĐ, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu. Anh H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 24/3/2023, Tòa án nhân dân huyện TU đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H1 tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh H1 là phù hợp theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị H và anh Vàng Văn H1 đăng ký kết hôn ngày 14/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị H và anh H1 hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh H1 hạnh phúc được 02 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Anh H1 biết việc chị H xin ly hôn nhưng cố tình không đến Tòa án để làm các thủ tục ly hôn với chị H. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 kéo dài, giữa chị H và anh H1 không còn dành sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, chị H không còn tình cảm yêu thương đối với anh H1, không còn hạnh phúc khi chung sống với anh H1, anh H1 cố tình trốn tránh việc đến Tòa để làm các thủ tục ly hôn đã thể hiện anh H1 cũng không muốn hàn gắn tình cảm với chị H. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1 là hoàn toàn có căn cứ theo theo

quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Con chung Vàng Việt C, sinh ngày 28/9/2018 hiện nay đang ở với chị H và ông bà ngoại (bố mẹ đẻ của chị H), còn nhỏ tuổi (đến thời điểm xét xử mới được hơn 4 tuổi). Từ khi chị H và anh H1 kết hôn thì cùng chung sống với bố mẹ chị H tại bản Phiêng Phát 1, xã TĐ, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Từ khi sinh ra cũng được ông bà ngoại là bố mẹ chị H hỗ trợ chăm sóc nên xét thấy nguyện vọng của chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận và giao con chung cho chị H trực tiếp tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Do chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Tòng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị H được ly hôn với anh Vàng Văn H1.

2. Về con chung: Giao con chung Vàng Việt C, sinh ngày 28/9/2018 cho chị Tòng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Vàng Văn H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tòng Thị H không yêu cầu anh Vàng Văn H1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung: Chị Tòng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Tòng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0001431 ngày 12/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TU, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện TU;
- Chi cục THADS huyện TU;
- UBND xã TĐ, TU, Lai Châu;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Tuyết Thanh